TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ NGÃ NĂM** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 06/2021/HNGĐ-ST
Ngày 01/02/2021.
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Minh Đức.

2. Bà Phan Ngọc Giàu.

***Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Minh Tân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm tham gia phiên tòa*:** Ông Lý Văn Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 185/2020/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2020 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Trần Thị L**, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Khóm A, Phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

Địa chỉ tạm trú: số 227, ấp 8, xã T, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

- *Bị đơn*: Anh **Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1989.

Địa chỉ: số 214, đường 3/2, khóm A, phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

(*các đương sự đều có mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* **Nguyên đơn chị Trần Thị L trình bày**:

Chị và anh Nguyễn Thanh T tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau và được Ủy ban nhân dân phường 1, thị xã Ngã Năm cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 13/5/2019. Thời gian đầu hai người chung sống hạnh phúc với nhau và có được 01

đứa con chung tên Nguyễn Minh N, sinh ngày 24/4/2019, hiện con đang sống chung với chị. Tuy nhiên, thời gian gần đây tính tình anh T thay đổi luôn có hành vi đánh đập chị, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, nên chị đã đi về nhà cha mẹ ruột của chị sinh sống từ tháng 10/2020 đến nay. Từ khi chị đi đến nay cuộc sống của chị và anh T không ai quan tâm đến ai, mạnh ai nấy có cuộc sống riêng của mình. Hiện chị không còn tình cảm với anh T nữa nên chị kiên quyết xin ly hôn với anh T. Trong thời gian chung sống chị và anh T không có làm nghề gì. Hai vợ chồng sống chung nhà với cha, mẹ chồng, nên mọi chi phí sinh hoạt đều do cha, mẹ chồng lo. Tài sản chung của hai vợ chồng chỉ có 1,6 cây vàng 24K, đây là vàng cưới và chị để dành cho con chị. Ngoài ra thì chị với anh T cũng không có nợ ai.

Tại phiên tòa hôm nay chị L yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thanh T;

- Về con chung: Chị yêu cầu được nuôi con chung tên Nguyễn Minh N, sinh ngày 24/4/2019 và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000đ cho đến khi con đủ 18 tuổi trưởng thành;

- Về tài sản chung, nợ chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: không yêu cầu giải quyết.

* **Bị đơn anh Nguyễn Thanh T trình bày:**

Anh thống nhất với lời trình của chị Trần Thị L về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung. Giữa hai vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, chỉ là vợ anh có mâu thuẫn với chị ruột anh sau đó bỏ đi về nhà cha mẹ ruột ở. Chị L thường hay nghe điện thoại khuya mà không để ý đến con và không dỗ con ngủ nên có vài lần anh đánh. Hiện nay anh vẫn còn thương vợ con không muốn ly hôn, không muốn gia đình tan rã, anh muốn hàn gắn lại để cùng nhau chăm sóc con chung. Do trước đây tôi bị tai nạn nên hiện tôi không có làm nghề gì ra tiền. Về tài sản chung thì hai vợ chồng có khoảng hơn 01 cây vàng, do gia đình cho lúc cưới. Số vàng này tôi để lại cho con của tôi. Hai vợ chồng không có nợ ai

Nay chị L yêu cầu ly hôn với tôi thì tôi không đồng ý vì tôi còn thương vợ con. Đối với các vấn đề khác tôi không yêu cầu xem xét giải quyết do tôi không muốn ly hôn.

Quan điểm kiểm sát của đại diện Viện kiểm sát như sau:

- Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng và đầy đủ các quy định về xác định thẩm quyền, thu thập chứng cứ, yêu cầu đương sự cung cấp chứng cứ, thủ tục tống đạt văn bản tố tụng, thời hạn chuẩn bị xét xử; Đồng thời tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) và Thư ký tuân thủ trình tự tố tụng tại phiên tòa, các đương sự đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình tại phiên tòa. Về nội dung: Về hôn nhân đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L về việc xin ly hôn với anh T; về con chung đề nghị HĐXX giao cháu N cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, về cấp dưỡng nuôi con đề nghị HĐXX chấp nhận theo yêu cầu của

nguyên đơn, tuy nhiên về mức cấp dưỡng đề nghị xem xét lại, lý do hiện bị đơn không có thu nhập ổn định; về tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn các đương sự không yêu cầu nên đề nghị HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- *Về tố tụng:*

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con, đồng thời bị đơn có địa chỉ cư trú tại ấp Khóm A, phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng nên xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:*

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh T thống nhất cả hai đều tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường 1, thị xã Ngã Năm cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 13/5/2019, lời trình bày của các đương sự phù hợp với tài liệu đã cung cấp là giấy chứng nhận kết hôn số 60 (BL 03) nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Theo chị L trình bày do cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đồng thời anh T thường xuyên có hành vi đánh chị nên giữa hai người đã ly thân từ tháng 10 năm 2020 đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn nên chị xin ly hôn với anh T. Xét thấy, vợ chồng có nghĩa vụ sống chung, thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, do cuộc sống của vợ chồng của chị L và anh T thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, anh T cũng có hành vì đánh chị L nên làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa, chị L xác định không còn tình cảm với anh T, kiên quyết xin ly hôn căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình HĐXX chấp nhận chị L được ly hôn với anh T.

[3] Về con chung: Chị L và anh T thống nhất có một đứa con chung tên Nguyễn Minh N, sinh ngày 24/4/2019, hiện cháu N đang sinh sống chung với chị L. Xét thấy, từ khi hai vợ chồng ly thân đến nay thì con chung đều do chị L chăm sóc, nuôi dưỡng và cháu N cũng đang có cuộc sống ổn định với chị L. Đồng thời, hiện cháu N chưa đủ 36 tháng tuổi nên cần sự chăm sóc từ người mẹ. Từ đó, HĐXX thiết nghĩ không cần phải thay đổi cuộc sống hiện tại của cháu N. Bởi việc thay đổi môi trường sống hiện tại của cháu N sẽ ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển tâm sinh lý của cháu nên cần thiết giao cháu N cho chị L nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Dành quyền cho anh T được chăm sóc, nuôi dưỡng, thăm nom con chung mà không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

[4]. *Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con*: Tại phiên tòa chị L yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung 1.500.000 đồng/tháng. Xét thấy, theo quy định tại khoản

2 Điều 82 của Luật hôn nhân gia đình thì "*cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*" nên đối với yêu cầu của chị L về việc buộc anh T cấp dưỡng tiền nuôi con là có cơ sở HĐXX chấp nhận. Xét về mức cấp dưỡng theo yêu cầu của chị L, thì thấy: Hiện anh T không có nghề nghiệp và thu nhập cũng không ổn định, cuộc sống hằng ngày phụ thuộc vào cha mẹ. Đồng thời, cháu N hiện còn nhỏ và cũng chưa đi học nên nhu thiết yếu cũng chưa nhiều. Do đó, đối với mức cấp dưỡng theo yêu cầu của chị L là cao so với thu nhập thực tế của anh T. Từ đó, HĐXX xem xét buộc anh T cấp dưỡng tiền nuôi con bằng ½ mức lương cơ bản do Nhà nước quy định tương đương 745.000 đồng/tháng. Trường hợp sau này anh T có điều kiện và thu nhập ổn định, đồng thời cháu N có nhu cầu thiết yếu cao hơn thì các bên được quyền thỏa thuận để thay đổi mức cấp dưỡng cho phù hợp theo quy định tại Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] *Về tài sản chung, về nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn:* Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[6]. Đề nghị của vị Kiểm sát viên về hướng giải quyết vụ án nêu trên là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong vụ án và đúng quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[7] *Về án phí:* Nguyên đơn chị Trần Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng; bị đơn anh Nguyễn Thanh T phải chịu án phí cấp dưỡng 300.000 đồng theo quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, Điều 81, khoản 2 Điều 82 và Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Nguyên đơn chị Trần Thị L được ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Thanh T.

2. *Về con chung*: Giao con chung tên Nguyễn Minh N, sinh ngày 24/4/2019 cho chị Trần Thị L trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. anh Nguyễn Thanh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

3. *Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con*: Anh Nguyễn Thanh T có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cháu Nguyễn Minh N, sinh ngày 24/4/2019 đến khi con

được 18 tuổi, mức cấp dưỡng là 745.000 đồng/tháng (bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng), thời gian bắt đầu cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án (ngày 01/02/2021). Địa điểm cấp dưỡng tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

4. *Về tài sản chung, về nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn:* Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét.

5. *Về án phí*: Nguyên đơn Trần Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0006853 ngày 31/8/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm.

Anh Nguyễn Thanh T phải chịu án phí cấp dưỡng 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*).

6. *Quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- UBND phường A, thị xã Ngã Năm;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Phước Toàn